

Số: 2285/TT-UBND

Quảng Bình, ngày 29 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết
Quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, UBND tỉnh kính trình Thường trực HĐND tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 và Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Thông tư 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công (Thông tư 28/2018/TT-BTC);

Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công (Thông tư số 64/2024/TT-BTC);

Theo khoản 1 điều 1 Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 quy định:
“1. Căn cứ quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công và mức hỗ trợ hướng dẫn tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công” ✓

địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương”.

2. Cơ sở thực tiễn

Triển khai thực hiện Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công, Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, các thông tư hướng dẫn của Bộ Công Thương về công tác khuyến công và Thông tư 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 ban hành Chương trình Khuyến công tỉnh giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 Quy định nội dung và mức hỗ trợ khuyến khích phát triển công nghiệp và xúc tiến thương mại trên địa bàn.

Giai đoạn 2021-2024, hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao giá trị sản xuất công nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Giá trị sản xuất công nghiệp nông thôn (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 7.500 tỷ đồng vào năm 2024 (chiếm 42% giá trị toàn ngành công nghiệp), tăng bình quân 7,5%/năm so với mục tiêu 7,5-8%/năm giai đoạn 2021 – 2025.

Với tổng kinh phí trên 20 tỷ đồng từ nguồn khuyến công quốc gia và địa phương (trong đó kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ trên 4 tỷ đồng, địa phương trên 16 tỷ đồng), tỉnh đã triển khai các hoạt động hỗ trợ như: (i) Xây dựng 2 mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới, áp dụng công nghệ hiện đại với kinh phí hơn 2 tỷ đồng; (ii) Đầu tư máy móc, thiết bị tiên tiến cho 5 dự án, kinh phí 1,2 tỷ đồng; (iii) Hỗ trợ trên 11 tỷ đồng cho hơn 100 cơ sở đầu tư mới, mở rộng sản xuất, ứng dụng kỹ thuật tiên tiến. Ngoài ra, tổ chức 2 kỳ bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu với 90 sản phẩm được công nhận, trong đó 22 sản phẩm cấp khu vực và 5 sản phẩm cấp quốc gia. Phối hợp thực hiện 48 chuyên mục Khuyến công trên Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Bình, 96 chuyên mục trên Báo Quảng Bình và 30 chuyên mục trên các phương tiện thông tin đại chúng khác; tổ chức 18 hội thảo, hội nghị tập huấn nâng cao năng lực quản sản xuất và áp dụng sản xuất sạch hơn cho 800 lượt cơ sở công nghiệp nông thôn và 300 cán bộ quản lý nhà nước. Hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại cũng được đẩy mạnh, hỗ trợ 320 lượt cơ sở tham gia hội chợ trong và ngoài nước, hợp tác quốc tế với Lào và Thái Lan, góp phần nâng cao năng lực sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu sản phẩm.

Từ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, để hoàn thiện chính sách hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương việc ban hành Nghị quyết

quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là cần thiết và đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG

1. Mục đích: Tạo cơ sở pháp lý và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của địa phương trong việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Quan điểm

- Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời, dễ tiếp cận, nhằm đáp ứng yêu cầu quy định của Nhà nước và phù hợp với khả năng thực tế của địa phương.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Đối tượng điều chỉnh

- Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn, xã và các phường thuộc thành phố loại 2, loại 3, các phường thuộc thành phố loại 1 được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm; bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp thực hiện áp dụng sản xuất sạch hơn.

- Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoạt động trên địa bàn tỉnh Quảng Bình tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Hồ sơ Dự thảo Nghị quyết đã được cơ quan soạn thảo đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh; lấy ý kiến của các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan soạn thảo đã tổng hợp ý kiến góp ý để tiếp thu hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 3253/BC-STP ngày 26/11/2024, đồng thời tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo và giải trình các nội dung thẩm định của Sở Tư pháp theo đúng quy định.

V. BỐ CỤC, NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết Ban hành Quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có bố cục như sau: ✓

1. Dự thảo Nghị quyết gồm có 03 Điều:

- Điều 1. Quy định về nội dung văn bản.
- Điều 2. Quy định về trách nhiệm thực hiện.
- Điều 3. Quy định về hiệu lực thi hành.

2. Dự thảo Quy định Nghị quyết dự kiến gồm 2 chương, 11 điều:

- Chương I: Quy định chung (Điều 1 đến Điều 3).
- Chương II: Mức chi hỗ trợ khuyến công (Điều 4 đến Điều 11).

3. Nội dung chính nghị quyết

- Quy định chung: Quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nguồn kinh phí.
- Mức chi hỗ trợ khuyến công: Quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Nguồn lực tài chính

Nguồn kinh phí được ngân sách bố trí hàng năm cho hoạt động khuyến công của tỉnh Quảng Bình gồm: Ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện); đóng góp của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khuyến khích phát triển công nghiệp của tỉnh; tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Ngân sách dự kiến thực hiện hoạt động khuyến công giai đoạn 2021-2025 được cân đối tại mục 1, phần V Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 - 2025 được ban hành kèm theo quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 và Chương trình khuyến công tỉnh giai đoạn tiếp theo (giai đoạn 2026-2030). Cụ thể, trong giai đoạn 2021-2025, ngân sách cấp tỉnh dự kiến bố trí 32,5 tỷ đồng và ngân sách cấp huyện dự kiến bố trí 15 tỷ đồng để thực hiện chính sách khuyến công trên địa bàn. Đối với giai đoạn tiếp theo, nguồn kinh phí sẽ được cân đối tại Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2026-2030 (sau khi Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2026-2030 được phê duyệt).

2. Nguồn nhân lực

- Các đơn vị, tổ chức theo chức năng nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

- Nguồn nhân lực từ các cơ sở sản xuất công nghiệp (doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh) trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Trên đây là Tờ trình đề nghị thông qua dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VPUBND tỉnh;
- Các sở: Tư pháp, TC, CT, KH&ĐT;
- Lưu: VT, KT. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Phong Phú

Số: /2024/NQ-HĐND Quảng Bình, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính
phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài
chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024 sửa đổi,
bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ hoạt động
khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế -
Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi hỗ trợ hoạt
động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển
khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường
trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại
biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ quyền hạn
của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày ... tháng ... năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Công Thương, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Công Thương;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**QUY ĐỊNH MỨC CHI HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH**

(Kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn, xã và các phường thuộc thành phố loại 2, loại 3, các phường thuộc thành phố loại 1 được chuyển đổi từ xã chưa quá 05 năm; bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

2. Các cơ sở sản xuất công nghiệp thực hiện áp dụng sản xuất sạch hơn.

3. Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoạt động trên địa bàn tỉnh Quảng Bình tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 3. Nguồn kinh phí

1. Nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động khuyến công thuộc nhiệm vụ của cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Nguồn kinh phí lồng ghép các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan và nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Chương II
MỨC CHI HỖ TRỢ KHUYẾN CÔNG**

Điều 4. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật

Mô hình trình diễn dễ phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 700 triệu đồng/mô hình.

Điều 5. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng dây chuyền công nghệ

1. Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 250 triệu đồng/cơ sở.

2. Hỗ trợ xây dựng dây chuyền công nghệ: mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp

Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/mô hình.

Điều 7. Chi hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn

1. Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu.

2. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ 50% chi phí, nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

3. Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại cơ sở công nghiệp nông thôn:

a) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày, có quy mô phòng trưng bày diện tích tối thiểu 20 m² và số lượng sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu đã được cấp có thẩm quyền công nhận tối thiểu 10 sản phẩm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 70 triệu đồng/phòng trưng bày.

b) Cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực: Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày, có quy mô phòng trưng bày diện tích tối thiểu 20 m² và số lượng sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu đã được cấp có thẩm quyền công nhận tối thiểu 15 sản phẩm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/phòng trưng bày.

Điều 8. Chi công tác bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

1. Chi tổ chức công tác bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu: Đối với cấp tỉnh chi không quá 100 triệu đồng/lần tổ chức, đối với cấp huyện chi không quá 50 triệu đồng/lần tổ chức.

2. Chi thường cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn: Đạt giải cấp tỉnh không quá 05 triệu đồng/sản phẩm, bộ sản phẩm; đạt giải cấp huyện không quá 03 triệu đồng/sản phẩm, bộ sản phẩm.

3. Chi tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, cấp quốc gia (chi phí thu gom, tập hợp, hoàn thiện hồ sơ, vận chuyển...); mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/lần tổ chức.

Điều 9. Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước và tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài.

1. Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước, bao gồm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng.

2. Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung của khu vực Việt Nam (bao gồm cả gian hàng quốc gia nếu có); chi phí tổ chức khai mạc nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng, thông tin tuyên truyền); chi phí tổ chức hội thảo, trình diễn sản phẩm (thuê hội trường, thiết bị, trang trí, khánh tiết); chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

Điều 10. Chi hỗ trợ các hoạt động xúc tiến phát triển công nghiệp và quản lý chương trình, đề án khuyến công

1. Chi tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn trong nước và nước ngoài. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

2. Chi tổ chức các hoạt động tập huấn, hội thảo, hội nghị, diễn đàn; các lớp nâng cao năng lực, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ khuyến công. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

3. Chi hỗ trợ xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

4. Chi xây dựng, duy trì và phổ biến cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về hoạt động phát triển công nghiệp, hoạt động khuyến công; xây dựng chương trình, đề án khuyến công từng giai đoạn và kế hoạch khuyến công hàng năm. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

5. Chi nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công cấp tỉnh. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

6. Chi quản lý chương trình, đề án khuyến công:

a) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công địa phương cấp hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu và chi khác.

b) Đối với tổ chức thực hiện hoạt động dịch vụ khuyến công: Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công được chi tối đa 3% dự toán đề án khuyến công để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và chi khác (nếu có).

Điều 11. Chi hỗ trợ khác

1. Chi khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp và hoạt động khuyến công trên địa bàn. Mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

2. Ngoài các mức chi hỗ trợ được quy định trên, các mức chi khác có liên quan đến hoạt động khuyến công được áp dụng theo quy định hiện hành.